

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Định mức dự toán xử lý làm mềm nước
và xử lý nguồn nước thô**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 190/TTr-SXD ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Báo cáo số 492/BC-SXD ngày 30 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc quản lý vận hành công trình cấp nước, xác định và quản lý giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô ban hành kèm theo Quyết định này và có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan công bố, hướng dẫn áp dụng và kiểm tra việc áp dụng thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH



**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN XỬ LÝ LÀM MỀM NƯỚC
VÀ XỬ LÝ NGUỒN NƯỚC THÔ**

*(Kèm theo Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Trà Vinh, tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC

1. Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô bao gồm các hao phí cần thiết về nguyên vật liệu để sản xuất một đơn vị sản phẩm nước sạch theo quy trình công nghệ sản xuất tại địa phương.

2. Định mức dự toán được xác lập trên các căn cứ sau:

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Quy chuẩn QCVN 09:2023/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất);

- Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt);

- Quy chuẩn QCVN 01:2022/TV ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh);

- Biên bản thực nghiệm, theo dõi thực tế quá trình thực hiện các công tác trong tập định mức có xác nhận của các bên liên quan: Chủ đầu tư, Sở Xây dựng, đơn vị vận hành, đơn vị tư vấn lập định mức;

- Phụ lục các tài liệu do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh cung cấp bao gồm: Quy trình công nghệ sản xuất nước sạch áp dụng tại các trạm cấp nước; nhật ký theo dõi quá trình sản xuất nước sạch; tổng hợp dữ liệu thống kê nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch thống kê 01 năm trở lại đây; các tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực tế sản xuất, cung cấp nước sạch tại địa phương do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh quản lý.

3. Kết cấu định mức

Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô gồm 02 bảng được trình bày theo quy trình công nghệ sản xuất nước sạch (từ nguồn nước dưới đất).

Mỗi định mức gồm: Thành phần công việc, khung trị số mức, yêu cầu kỹ thuật và đơn vị tính phù hợp.

Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô bao gồm 08 công tác. Cụ thể:

Stt	Mã hiệu	Tên định mức	Đơn vị
		Bảng 01	
1	NS1.03.00	Xử lý làm mềm nước dưới đất tại Nhà máy nước thành phố Trà Vinh	1 m ³
		Bảng 02	
2	NS1.04.01	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy nước thành phố Trà Vinh	1 m ³
3	NS1.04.02	Khử trùng nguồn nước thô tại Trạm cấp nước Châu Thành (Trạm 6 - Mỹ Chánh)	1 m ³
4	NS1.04.03	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước Cầu Ngang - Mỹ Long	1 m ³
5	NS1.04.04	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị xã Duyên Hải	1 m ³
6	NS1.04.05	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị trấn Trà Cú	1 m ³
7	NS1.04.06	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	1 m ³
8	NS1.04.07	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước Thị trấn Cầu Kè	1 m ³

4. Hướng dẫn áp dụng:

Định mức dự toán xử lý làm mềm nước và xử lý nguồn nước thô là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc quản lý vận hành công trình cấp nước, xác định và quản lý giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

NS1.01.00 SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH TỪ NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Thành phần công việc: Theo thành phần công việc mã hiệu NS1.01.00 - Định mức dự toán công tác sản xuất và quản lý, vận hành mạng cấp nước công bố kèm theo Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Yêu cầu kỹ thuật: Nước sạch đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định.

Bảng 01:

XỬ LÝ LÀM MỀM NƯỚC DƯỚI ĐẤT TẠI KHU XỬ LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC NHÀ MÁY NƯỚC THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Đơn vị: 1 m³

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
NS1.03.00	Xử lý làm mềm nước dưới đất	<i>Nguyên vật liệu:</i>		
		- Vôi (CaO)	gam	341
		- Phèn (AL ₂ (SO ₄) ₃ 17%)	gam	62
		- Soda (NAOH 99%)	gam	40
		- Polymer (Cation 90%)	gam	0,4

Bảng 02:

KHỬ TRÙNG NGUỒN NƯỚC THÔ

Đơn vị: 1 m³

Mã hiệu	Tên công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí
NS1.04.01	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy nước thành phố Trà Vinh	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	7
NS1.04.02	Khử trùng nguồn nước thô tại Trạm cấp nước Châu Thành (Trạm 6 - Mỹ Chánh)	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	5,98
NS1.04.03	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước Cầu Ngang - Mỹ Long	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	7
NS1.04.04	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị xã Duyên Hải	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	4,60
NS1.04.05	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị trấn Trà Cú	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	4,57
NS1.04.06	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước thị trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	6,35
NS1.04.07	Khử trùng nguồn nước thô tại Nhà máy cấp nước Thị trấn Cầu Kè	<i>Nguyên vật liệu:</i> - Clo (CL2)	gam	6,0